

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 276/2022/HC-PT

Ngày: 08/7/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V N
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất N

Ông Hồ Sỹ Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Phạm Quốc Huy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 349/2021/TLPT-HC ngày 24 tháng 9 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” do có kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh TQ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5641/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Triệu Văn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn 8, xã TL, huyện YS, tỉnh TQ; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Văn H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn 8, xã TL, huyện YS, tỉnh TQ; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Triệu Văn T: Ông Lê Đình V – Luật sư Công ty Luật TNHH MT thuộc Đoàn Luật sư HN. Địa chỉ: tầng 4, Tòa nhà HTP, 102 TT, phường TL, quận DD, HN; có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh TQ. Địa chỉ: Phường Minh Xuân, thành phố TQ, tỉnh TQ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế Giang – Phó chủ tịch UBND tỉnh TQ; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Giám đốc Ban di dân tái định cư Thủy điện tỉnh TQ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh N – Phó giám đốc; có mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện YS, tỉnh TQ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu P – Phó chủ tịch UBND huyện YS, tỉnh TQ; vắng mặt.

- Trưởng ban di dân tái định cư huyện YS, tỉnh TQ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức H – Phó trưởng ban di dân; vắng mặt.

- Ban di dân tái định cư huyện Na Hang, tỉnh TQ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Duy V – Phó trưởng ban di dân; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn GD, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị S là ông Lê Đình V – Luật sư Công ty Luật TNHH MT thuộc Đoàn Luật sư HN và bà Trần Thị Thim, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ; ông V có mặt, bà Thim vắng mặt.

- Chị Triệu Thị D, sinh năm 2000.

- Anh Triệu Văn D2, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: Thôn GD, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ; đều vắng mặt.

4. Người phiên dịch tiếng Tày cho người khởi kiện ông Triệu Văn T: Bà Triệu Thị N3, sinh năm 1986. Trú quán tại: Tổ 8, phường Y La, thành phố TQ, tỉnh TQ; có mặt.

5. Người kháng cáo: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện của ông T trình bày:

Năm 2005, UBND tỉnh TQ tổ chức cho gia đình ông T gồm 04 thành viên (ông T, vợ ông T là bà Nguyễn Thị S cùng con trai và con gái ông T) di chuyển từ xã Thúi Loa, huyện Na Hang, tỉnh TQ (thuộc vùng lòng hồ Dự án thủy điện TQ) đến tái định cư tại xã TL, huyện YS, tỉnh TQ. Tuy nhiên, sau khi đưa gia đình ông đến xã TL xong thì các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã bỏ mặc gia đình ông, từ đó đến nay các cơ quan này chưa giao đất ở, đất sản xuất và chưa thực hiện các chính sách liên quan khác cho hộ gia đình ông. Ngày 15/6/2020, ông được em trai ruột là Triệu Văn H cung cấp cho bản phô tô Quyết định số 91/QĐ-CT ngày 03/02/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh TQ, theo nội dung quyết định thì ngay sau khi di chuyển gia đình ông đến xã TL thì các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải tổ chức giao đất ở, đất sản xuất và thực hiện các chính sách khác để đảm bảo cuộc

sống của gia đình ông. Hậu quả của việc không giao đất ở, đất sản xuất và thực hiện các chính sách khác theo Quyết định số 91/QĐ-CT của Chủ tịch UBND tỉnh dẫn đến gia đình ông ly tán, mất mát về tình cảm gia đình. Do không có nơi ở và đất sản xuất nên vợ và các con ông đi ở nhờ bố mẹ vợ tại xã MB, huyện YS. Ông T nhiều năm lang thang nay đây mai đó, đã có lúc túng quẫn nên ông về lại hồ thủy điện TQ để làm bè sinh sống trên mặt nước, có lúc ngủ nhờ nhà anh em, hàng xóm, cũng có những lúc ngủ ngoài ven đường, vệ núi. Trong 15 năm qua ông đã nhiều lần đi đòi hỏi quyền lợi ở các cơ quan nhà nước cấp huyện và cấp tỉnh nhưng không được giải quyết.

Ngoài ra, cũng trong ngày 15/6/2020, ông T mới biết đến Quyết định số 1075/QĐ-CT ngày 23/7/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh TQ có nội dung điều chỉnh nơi đến tái định cư cho hộ gia đình ông T đến tái định cư tại xã MB, huyện YS, tỉnh TQ. Ông thấy quyết định này trái quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích của ông. Ông chưa từng được nhận quyết định này, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định nhưng không lấy ý kiến và quan tâm đến nguyện vọng của ông, không báo cho UBND xã TL biết. Mặc dù ban hành từ ngày 23/7/2007 nhưng Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa từng tổ chức thực hiện quyết định này.

Do vậy, ông Triệu Văn T khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh TQ yêu cầu giải quyết:

1. Buộc Chủ tịch UBND tỉnh TQ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấm dứt hành vi trái pháp luật (không tổ chức thực hiện đầy đủ Quyết định số 91/QĐ-CT ngày 03/02/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh TQ), tổ chức thực hiện ngay các nội dung của Quyết định số 91/QĐ-CT ngày 03/02/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh TQ đối với hộ gia đình ông Triệu Văn T.

2. Bồi thường cho ông Triệu Văn T số tiền 1.302.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm linh hai triệu đồng).

3. Tuyên hủy Quyết định số 1075/QĐ-CT ngày 23/7/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh TQ.

4. Buộc Chủ tịch UBND tỉnh TQ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công khai xin lỗi ông Triệu Văn T về những phiền toái đã gây ra đối với gia đình ông T.

Người bị kiện – Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh TQ trình bày:

Chủ tịch UBND tỉnh TQ ban hành Quyết định số 91/QĐ-CT ngày 03/02/2005 để thực hiện di chuyển 60 hộ nhân dân, 348 khẩu thôn Nà Năm, xã Thúi Loa, huyện Na Hang thuộc vùng lòng hồ Dự án thủy điện TQ đến tái định cư

tại xã TL, huyện YS, tỉnh TQ (trong đó có hộ ông Triệu Văn T, gồm 03 nhân khẩu: Triệu Văn T, Nguyễn Thị S, Triệu Thị Sanh).

Thực hiện Quyết định số 91/QĐ-CT ngày 03/02/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, 59/60 hộ có tên trong danh sách đã thực hiện di chuyển, tái định cư đến xã TL, huyện YS. Còn 01 hộ, là hộ ông Triệu Văn T (vợ Nguyễn Thị S, con Triệu Thị Sanh) không chấp hành di chuyển cùng với 59 hộ về xã TL, huyện YS.

Sau đó, Ban Di dân tái định cư huyện YS đã kiểm tra thực tế, đề nghị Ban Di dân, tái định cư tỉnh TQ trình Ủy ban nhân dân tỉnh TQ điều chỉnh nơi đến tái định cư đối với hộ gia đình ông Triệu Văn T, gồm 03 nhân khẩu (Triệu Văn T, Nguyễn Thị S và Triệu Thị Sanh) đến tái định cư tại khu GĐ (nay là thôn Đoàn Kết), xã MB, huyện YS (cùng nơi tái định cư với bố đẻ của bà S là ông Nguyễn Mai Thăng, thôn Bản Lò, xã Thúy Loa, huyện Na Hang). Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh TQ đã ban hành Quyết định số 1075/QĐ-CT ngày 23/7/2007 điều chỉnh thay đổi nơi tái định cư đối với hộ ông T theo đề nghị của Ban Di dân, tái định cư tỉnh TQ.

Như vậy, danh sách di chuyển, tái định cư tại xóm 08 xã TL, huyện YS theo Quyết định số 91/QĐ-CT ngày 03/02/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh còn 59 hộ, không còn hộ gia đình ông T. Ủy ban nhân dân huyện YS đã bố trí tái định cư và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách bồi thường, hỗ trợ của nhà nước với hộ di dân, tái định cư thủy điện TQ cho 59 hộ có tên trong Quyết định số 91/QĐ-CT ngày 03/02/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Việc yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật (không tổ chức thực hiện đầy đủ Quyết định số 91/QĐ-CT ngày 03/02/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh TQ). Tổ chức thực hiện ngay các nội dung của Quyết định số 91/QĐ-CT ngày 03/02/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh TQ đối với hộ gia đình ông T là không có cơ sở.

Hộ ông T đã được bồi thường, hỗ trợ di dân, tái định cư thủy điện TQ theo chế độ, chính sách của nhà nước. Do vậy, việc yêu cầu bồi thường số tiền 1.302.000.000 đồng là không có cơ sở.

Quyết định số 1075/QĐ-CT ngày 23/7/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh TQ về việc điều chỉnh nơi đến tái định cư cho hộ gia đình ông T thuộc vùng lòng hồ thủy điện TQ đến tái định cư tại xã MB, huyện YS, tỉnh TQ đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đúng thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân huyện YS đã thực hiện bố trí tái định cư, bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình theo Quyết định số 1075/QĐ-CT ngày 23/7/2007 và chế độ, chính sách của Nhà nước, cụ thể:

Về đất ở: Do ông T không có mặt tại nơi tái định cư xã MB, huyện YS (theo thông tin của gia đình cung cấp ông T quay trở lại nơi ở cũ vùng lòng hồ để sinh

sống), vợ ông T là bà S và con gái đã nhận đất tái định cư tại thôn GĐ, xã MB để ở từ thời điểm đó đến nay, Ủy ban nhân dân huyện YS đã giao đất trong trường hợp đất Nhà nước giao các hộ gia đình theo dự án di dân tái định cư Thủy điện Na Hang - TQ, Ủy ban nhân dân huyện YS đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở 360m² cho hộ bà Nguyễn Thị S, số phát hành BD 563287, số vào sổ CH 00507 tại thửa đất số 803, tờ bản đồ số 51, xã MB.

Về đất ruộng (giao theo nhân khẩu): Bà S đã nhận 2.746,0m² đất ruộng cho 05 nhân khẩu trong đó có khẩu bà Nguyễn Thị S và các con (chưa nhận đất ruộng cho khẩu ông T do không có mặt tại nơi tái định cư), diện tích đất đã giao đủ theo mức đất sản xuất cho hộ tái định cư thủy điện TQ (500m²/khẩu). Ủy ban nhân dân huyện YS đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành BD 563806, số vào sổ CH 00583 cấp ngày 16/10/2012 tại các thửa đất số 774, 692, 693, 679, 904, 598 tờ bản đồ số 45, xã MB. Đối với nhân khẩu Triệu Văn T, do không có mặt tại nơi tái định cư, không cư trú tại địa P, nên chưa thực hiện được việc giao đất ruộng. Khi ông T về ở khu tái định cư, Ủy ban nhân dân huyện YS sẽ giao đất ruộng cho ông T theo mức quy định của nhà nước.

Đất lâm nghiệp (giao theo hộ): Bà S được giao đất trồng cây lâu năm thay thế cho đất lâm nghiệp, diện tích giao là 3.153m² và được Ủy ban nhân dân huyện YS cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành BQ 011096, số vào sổ CH 01058 cấp ngày 8/7/2013, tờ bản đồ số 29, thửa đất số 689, xã MB, diện tích đất đã giao đủ theo mức đất sản xuất cho hộ tái định cư thủy điện TQ (5.000m² đất lâm nghiệp/hộ hoặc đất sản xuất khác quy đổi tương đương).

Về tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư: Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ ông T là 65.896.535 đồng, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại các Quyết định số 1404/QĐ-CT ngày 20/11/2004 là 44.183.078 đồng; Quyết định số 190/QĐ-CT ngày 01/02/2007 là 4.928.100 đồng; Quyết định số 2217/QĐ-CT ngày 15/12/2007 là 16.785.357 đồng.

Số tiền đã thanh toán: 51.757.535 đồng, ông T trực tiếp nhận tiền vào các ngày: 19/3/2005 nhận 37.004.778 đồng; 13/02/2007 nhận 4.928.100 đồng, 11/01/2008 nhận 9.824.657 đồng.

Số tiền còn lại: 14.139.000 đồng, gồm: tiền thưởng di chuyển đúng tiến độ 4.000.000 đồng, do hộ không chấp hành di chuyển đúng tiến độ theo Quyết định di chuyển ban đầu nên Ủy ban nhân dân huyện YS không đủ cơ sở thanh toán; tiền bồi thường đất nơi đi, chưa trừ giá trị đất nơi tái định cư 10.139.000 đồng, do khẩu Triệu Văn T không về nơi tái định cư, nên chưa giao đủ đất sản xuất, chưa có cơ sở quyết toán trừ giá trị đất, thực tế tiền bồi thường về đất, hộ gia đình ông T đã được nhận bằng quyền sử dụng đất tại nơi tái định cư.

Về chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 1766/QĐ-TTg ngày 10/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ:

Hỗ trợ khuyến nông: Bà S đã tham gia thực hiện chương trình chăn nuôi lợn từ năm 2012, đã nhận hỗ trợ con giống và vật tư theo đúng hướng dẫn của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Hỗ trợ hầm bể Biogas hoặc nhà vệ sinh tự hoại: Hộ gia đình bà S đã nhận hỗ trợ làm hầm bể Biogas 5.000.000 đồng năm 2013.

Như vậy, gia đình hộ ông T đã thực hiện di chuyển theo Quyết định số 1075/QĐ-CT ngày 23/7/2007 và đã được nhận chế độ, chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước, vì vậy việc đề nghị hủy Quyết định số 1075/QĐ-CT ngày 23/7/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là không có cơ sở.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh TQ không gây ra những phiền toái đối với gia đình ông T, do vậy, yêu cầu nêu trên là không có cơ sở.

Từ khi ông Triệu Văn T được biết đến Quyết định số 91/ QĐ-CT ngày 03/02/2005, ông T nhận tiền bồi thường và di chuyển về xã TL, UBND tỉnh cùng Ban di dân và chính quyền địa P không nhận được đơn thư khiếu nại, kiến nghị gì của ông T. Trong các cuộc tiếp công dân, tiếp xúc cử tri cũng không thấy ông T, bà S có ý kiến gì.

Đồng thời, từ khi có quyết định di chuyển hộ gia đình ông T về xã MB, UBND tỉnh cùng Ban di dân và chính quyền địa P không nhận được đơn thư khiếu nại, kiến nghị gì của ông T cũng như bà S và các con ông T. Đề nghị Tòa án bác nội dung khởi kiện của ông T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Giám đốc Ban di dân tái định cư thủy điện TQ, Chủ tịch UBND huyện YS, Trưởng ban di dân tái định cư huyện YS, Ban di dân tái định cư huyện Na Hang: Đề trình bày thống nhất với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh TQ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và không có yêu cầu độc lập.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị S, chị Triệu Thị D, anh Triệu Văn D2: Đề không có ý kiến gì với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà S cho rằng hộ gia đình bà đã được nhận đủ các chính sách hỗ trợ của Chủ tịch UBND tỉnh TQ, cuộc sống tại nơi tái định cư ổn định. Bà S, anh D2, chị D đều không có yêu cầu độc lập và đề nghị không tham gia các buổi làm việc, tham gia phiên tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại, không tham gia phiên tòa xét xử của Tòa án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 19 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh TQ đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 29; Điều 30; Điều 32; Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 2 Điều 116; Điều 191; Điều 194, Điều 206, Điều 344, Điều 345 và Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 127 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 19/4/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc đầu tư dự án thủy điện Nà Hang.

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Văn T về việc:

Buộc Chủ tịch UBND tỉnh TQ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấm dứt hành vi trái pháp luật (không tổ chức thực hiện đầy đủ Quyết định số 91/QĐ-CT ngày 03/02/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh TQ), tổ chức thực hiện ngay các nội dung của Quyết định số 91/QĐ-CT ngày 03/02/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh TQ đối với hộ gia đình ông Triệu Văn T.

Tuyên hủy Quyết định số 1075/QĐ-CT ngày 23/7/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh TQ.

Bồi thường cho ông Triệu Văn T số tiền 1.302.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm linh hai triệu đồng).

Buộc Chủ tịch UBND tỉnh TQ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công khai xin lỗi ông Triệu Văn T về những phiền toái đã gây ra đối với gia đình ông T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, ông Triệu Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, bà Nguyễn Thị S có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng: Xác định thửa đất 803, tờ bản đồ số 51, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ không phải là đất tái định cư được Nhà nước giao cho hộ gia đình ông Triệu Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Triệu Văn T và bà Nguyễn Thị S là những người kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị: Về 2 chứng từ chi trả tiền cho ông T: Ông T không biết chữ nên không thể ký nhận được; tuy nhiên trong hồ sơ lại có 02 giấy nhận tiền có chữ ký của ông T, đề nghị

Tòa án phúc thẩm giám định chữ ký tài liệu này. Hồ sơ vụ án không có tài liệu nào thể hiện việc giao đất cho bà S. Bà S được cấp GCNQSD thửa số 803 không phải là đất được Nhà nước bồi thường. Bà S chưa bao giờ làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên các chữ ký, chữ viết trong hồ sơ cấp đất không phải chữ ký của bà S. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm S tỏ nội dung vụ án, xác minh và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại hoặc tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 03/02/2005, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh TQ ban hành Quyết định số 91/QĐ-CT về việc di chuyển 60 hộ nhân dân thôn Nà Năm, xã Thúy Loa, huyện Na Hang thuộc vùng lòng hồ dự án thủy điện TQ đến tái định cư tại xã TL, huyện YS, tỉnh TQ. Ngày 23/7/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh TQ ban hành Quyết định số 1075/QĐ-CT về việc điều chỉnh nơi đến tái định cư cho hộ gia đình ông Triệu Văn T thuộc vùng lòng hồ thủy điện TQ đến tái định cư tại xã MB, huyện YS, tỉnh TQ. Ngày 15/6/2020, ông T mới biết đến 02 quyết định nêu trên và có đơn khởi kiện với nội dung: Buộc Chủ tịch UBND tỉnh TQ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấm dứt hành vi trái pháp luật (không tổ chức thực hiện đầy đủ Quyết định số 91/QĐ-CT ngày 03/02/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh TQ), tổ chức thực hiện ngay các nội dung của Quyết định số 91/QĐ-CT ngày 03/02/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh TQ đối với hộ gia đình ông T. Bồi thường cho ông T số tiền 1.302.000.000 đồng. Tuyên hủy Quyết định số 1075/QĐ-CT ngày 23/7/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh TQ; khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân tỉnh TQ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh TQ ban hành Quyết định số 91/QĐ-CT ngày 03/02/2005 để thực hiện di chuyển 60 hộ nhân dân, 348 khẩu thôn Nà Năm, xã Thúy Loa, huyện Na Hang thuộc vùng lòng hồ dự án thủy điện TQ đến tái định cư tại xã TL, huyện YS, tỉnh TQ (trong đó có hộ gia đình ông Triệu Văn T, gồm 03 nhân khẩu: Triệu Văn T, Nguyễn Thị S, Triệu Thị Sanh). Các cơ quan được giao thực hiện Quyết định số 91/QĐ-CT ngày 03/02/2005 đã tiến hành tuyên

truyền, vận động các hộ dân nhận tiền và di chuyển. Ông T đã đại diện hộ gia đình nhận số tiền hỗ trợ bồi thường, sau khi ông T nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và không có ý kiến gì.

Khi hộ ông T di chuyển về xã TL, huyện YS thì vợ ông T là bà Nguyễn Thị S đã xin được điều chỉnh nơi đến tái định cư đối với hộ gia đình ông T, gồm 03 nhân khẩu (Triệu Văn T, Nguyễn Thị S và Triệu Thị Sanh) đến tái định cư tại khu GD (nay là thôn Đoàn Kết), xã MB, huyện YS (cùng nơi tái định cư với bố đẻ là ông Nguyễn Mai Thăng, thôn Bản Lò, xã Thúy Loa, huyện Na Hang). Chủ tịch UBND tỉnh TQ đã ban hành Quyết định số 1075/QĐ-CT ngày 23/7/2007 điều chỉnh thay đổi nơi tái định cư đối với hộ ông Triệu Văn T theo đề nghị của Ban Di dân, tái định cư Thủy điện TQ. UBND huyện YS đã thực hiện bố trí tái định cư, bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông T theo Quyết định số 1075/QĐ-CT ngày 23/7/2007 và chế độ, chính sách của Nhà nước (bà S đại diện hộ gia đình nhận), cụ thể:

Về đất ở được cấp theo hộ gia đình: Bà S và các con đã nhận đất tái định cư tại thôn GD, xã MB để ở từ thời điểm đó đến nay, xét về nguồn gốc sử dụng đất của gia đình bà S là Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo dự án di dân tái định cư Thủy điện TQ. Theo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất: Đất Nhà nước giao các hộ gia đình theo dự án di dân tái định cư Thủy điện Na Hang - TQ, đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ với diện tích được cấp là 360m² đất ở tại Nông thôn. Như vậy, việc cấp đất ở và cấp GCNQSDĐ là cấp theo hộ gia đình khi phải di dân tái định cư bao gồm bà S, ông T và các con trong gia đình và Ủy ban nhân dân huyện YS đã tiến hành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở 360m² cho hộ bà Nguyễn Thị S, số phát hành BD 563287, số vào sổ CH 00507 tại thửa đất số 803, tờ bản đồ số 51, xã MB là đúng quy định của pháp luật.

Về đất ruộng được cấp theo nhân khẩu: Bà S đã nhận 2.746m² đất ruộng gồm: Hộ bà S 02 nhân khẩu, chưa nhận đất ruộng cho khẩu Triệu Văn T do ông T không có mặt tại nơi tái định cư. Theo lời khai của bà S: *“... sau khi có Quyết định số 1075/QĐ-UBND quyết định điều chỉnh nơi đến tái định cư cho hộ gia đình ông T, tôi có nói lại cho ông T biết, ông T không đồng ý sang ở tại xã MB không cho cắt khẩu, sau đó ông T lại quay lại lòng hồ Na Hang sinh sống... tôi có gọi ông T về ở cùng nhưng ông không về, tiền bồi thường ông T nhận sử dụng, có đưa cho tôi được 10 triệu để làm nhà ... ông có về thăm nhà cho con tiền nhưng không ở lại, còn bảo tôi bán nhà tài sản quay về Na Hang... hiện nay tôi và ông T chưa ra Tòa ly hôn vẫn là vợ chồng”* BL 178. Tại Biên bản xác minh của Công an Huyện Lâm Bình; Biên bản xác minh của Ban quản lý lòng hồ du lịch sinh thái Na Hang - Lâm Bình; Biên bản xác minh của Ban quản lý rừng phòng hộ và anh Triệu Văn Nhan

(là em trai của ông T), đều thể hiện:... Năm 2005 ông T di dân về xóm 8 xã TL đi cùng em trai là Triệu Văn H đến đầu năm 2006 ông T quay lại lòng hồ thủy điện TQ dựng nhà bè đánh bắt tôm, cá sinh sống một mình đến khoảng tháng 9/2020 do nhà bè bị hỏng ông T lại quay lại xóm 8 TL sinh sống cùng em trai là Triệu Văn H. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện YS đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 563806, số vào sổ CH 00583 cấp ngày 16/10/2012 tại các thửa đất số 774, 692, 693, 679, 904, 598 tờ bản đồ số 45, xã MB đất ruộng (LUC) cho bà S là đúng quy định của pháp luật.

Về đất lâm nghiệp, đất trồng cây lâu năm (cấp theo hộ): Bà S được giao đất trồng cây lâu năm thay thế cho đất lâm nghiệp, diện tích giao là 3.153m² và được Ủy ban nhân dân huyện YS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 011096, số vào sổ CH 01058 cấp ngày 8/7/2013, tờ bản đồ số 29, thửa đất số 689, xã MB, diện tích đất đã giao đủ theo mức đất sản xuất cho hộ tái định cư thủy điện TQ (5.000m² đất lâm nghiệp/hộ hoặc đất sản xuất khác quy đổi tương đương).

Tại phiên tòa bà S cho rằng, diện tích đất ở, đất ruộng và đất lâm nghiệp hiện nay mẹ con bà đang sử dụng là của ông Nguyễn Mai Thăng (bố của bà S) cho mẹ con bà; gia đình bà chưa được bố trí tái định cư. Xét thấy, gia đình ông Thăng cũng là hộ dân di chuyển từ xã Thúy Loa, huyện Na Hang thuộc vùng lòng hồ Dự án thủy điện TQ đến tái định cư tại khu GD (nay là thôn Đoàn Kết), xã MB, huyện YS; do đó, hộ ông Thăng cũng được bố trí tái định cư theo nhân khẩu; thực tế thửa đất ở của bà S là thửa đất 803, thửa đất ở của ông Thăng là thửa đất số 785 (cùng tờ bản đồ số 51) là 02 thửa khác nhau; đất ruộng diện tích 2.746m², diện tích 3.153m² đất lâm nghiệp trồng cây lâu năm đều là đất hộ ông T được cấp theo nhân khẩu và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T cho rằng khi nhận tiền do không hiểu biết nên không biết mục đích được nhận tiền là gì là không đúng, vì tại các giấy biên nhận tiền đều ghi “Giấy biên nhận tiền thực hiện dự án di dân tái định cư”, tên chủ hộ nhận có ghi số CMT, chỗ ở..., nay tái định cư tại xóm 8, xã TL, huyện YS, tỉnh TQ, ghi rõ số tiền đã nhận được. Như vậy, ông T là người trực tiếp nhận tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư; vợ ông T là người nhận đất tái định cư, đất sản xuất. Hiện nay, vợ và con ông T đã sinh sống ổn định tại nơi được UBND huyện YS bố trí tái định cư. Từ năm 2005 đến trước thời điểm tháng 6/2020, các cơ quan có thẩm quyền không tiếp nhận được bất kỳ ý kiến khiếu nại nào của hộ gia đình ông T. Do đó, ông T cho rằng gia đình ông không biết Quyết định số 91/QĐ-CT ngày 03/02/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh TQ di dân gia đình ông từ xã Thúy Loa, huyện Na Hang về xã TL, huyện YS và bà S cho rằng chưa nhận đất tái định cư là không có căn cứ.

Đối với diện tích đất sản xuất chưa thực hiện giao được cho ông T vì ông T không có mặt tại nơi được bố trí tái định cư (như lời khai của ông T là ông T quay về lòng hồ Na Hang, lời khai của vợ ông T là bà S và một số lời khai khác...), do đó hành vi chưa giao được đất sản xuất cho ông T không phải do UBND tỉnh TQ và các cơ quan có thẩm quyền, khi ông T về ở khu tái định cư, Ủy ban nhân dân huyện YS sẽ giao đất ruộng cho ông T theo mức quy định của Nhà nước.

Ngày 03/02/2005, Chủ tịch UBND tỉnh TQ ban hành Quyết định số 91/QĐ-CT, đây là chính sách di chuyển số lượng người lớn, đa phần là người đồng bào và di chuyển về nơi ở mới sẽ gặp khó khăn; nhưng Ủy ban nhân dân các cấp đã ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo di chuyển dân cư, thành lập Tổ công tác, quyết định trung tập cán bộ xã thực hiện công tác di chuyển dân cư, quyết định về việc huy động lực lượng hỗ trợ di chuyển nhân dân vùng lòng hồ thủy điện Na Hang (BL 203,205,206), Tổ công tác đã phối hợp thực hiện tổ chức họp các hộ dân, triển khai chủ trương, kế hoạch trong đó có Quyết định số 91/QĐ-CT ngày 03/02/2005, đồng thời tuyên truyền, vận động các hộ dân thực hiện theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh. Bố trí đưa các hộ dân đến thăm nơi ở mới trước khi di chuyển, khi các hộ dân nhất trí thì Tổ công tác tổ chức cho các hộ dân nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; ông T trực tiếp nhận tiền hỗ trợ, bồi thường. Sau khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định thì hộ gia đình ông T đã cùng di chuyển về xã TL, huyện YS, tỉnh TQ cùng các hộ dân. Như vậy, trình tự, thủ tục thực hiện Quyết định số 91/QĐ-CT về các chính sách di chuyển đối với hộ ông T đúng quy định pháp luật.

Khi hộ ông T di chuyển đến xã TL, huyện YS thì ông T không dựng nhà ở (như lời khai của vợ ông T – bà S tại BL178-182 và lời của ông Triệu Văn Vệ nguyên Trưởng thôn Nà Năm BL 174...*Ban di dân có cấm đất cho hộ ông T nhưng ông T không dựng nhà ở mà vợ chồng ông T ở nhờ nhà em trai là Triệu Văn H...* sau đó bà S cùng các con về ở cùng bố đẻ là ông Thăng tại xã MB. Ngày 24/5/2007, bà S đã xin điều chỉnh nơi tái định cư chuyển đến tái định cư ở xã MB, huyện YS. Ban di dân tái định cư huyện YS đã căn cứ kết quả di chuyển thực tế hộ ông T có 03 nhân khẩu không về tái định cư tại xã TL theo quyết định mà về tái định cư tại thôn GĐ, xã MB. Hiện có 02 khẩu (vợ và con ông T) đã được Công ty Chè Mỹ Lâm tạm giao đất ở, đất sản xuất để ổn định cuộc sống và tại khu tái định cư thôn GĐ vẫn còn khả năng tiếp nhận hộ gia đình ông T về tái định cư. Do vậy, Ban di dân tái định cư thủy điện TQ đã có Tờ trình số 78/TTr-BĐ ngày 10/7/2007 báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh TQ. Ngày 23/7/2007, Chủ tịch UBND tỉnh TQ ban hành Quyết định số 1075/QĐ-CT về việc điều chỉnh nơi đến tái định cư có hộ gia đình ông T đến tái định cư tại xã MB, huyện YS là đúng thẩm quyền và phù hợp với nguyện vọng của người dân theo quy định của Điều 127 Luật Tổ chức Hội

đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003, Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 19/4/2002 của Thủ tướng chính phủ về việc đầu tư dự án thủy điện Nà Hang. Chủ tịch UBND tỉnh TQ đã ban hành Quyết định số 1075/QĐ-CT để tái định cư và thực hiện giao đất theo đúng chính sách cho hộ ông T theo quy định. Ông T cho rằng ông không biết Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh nơi đến tái định cư đối với hộ gia đình ông về xã MB là không đúng. Từ khi Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1075/QĐ-CT ngày 23/7/2007 đến nay, hộ gia đình ông T trong đó có vợ và các con ông T đã thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-CT và không có đơn thư khiếu nại gì. Như vậy, Chủ tịch UBND tỉnh đã thực hiện đầy đủ các chính sách như tại Quyết định số 91/QĐ-CT ngày 03/02/2005 và Quyết định số 1075/QĐ-CT ngày 23/7/2007 đối với hộ ông T.

Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông T buộc Chủ tịch UBND tỉnh TQ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấm dứt hành vi trái pháp luật (không tổ chức thực hiện đầy đủ Quyết định số 91/QĐ-CT ngày 03/02/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh TQ), tổ chức thực hiện ngay các nội dung của Quyết định số 91/QĐ-CT ngày 03/02/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh TQ đối với hộ gia đình ông Triệu Văn T; yêu cầu hủy Quyết định số 1075/QĐ-CT ngày 23/7/2007 là có căn cứ.

Do yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Văn T về việc hủy Quyết định hành chính, hành vi hành chính của UBND tỉnh TQ không được chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu bồi thường 1.302.000.000 đồng của ông T là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác các yêu cầu khởi kiện của ông T là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của ông Triệu Văn T và bà Nguyễn Thị S.

[3]. Về án phí: Kháng cáo của ông Triệu Văn T và bà Nguyễn Thị S không được chấp nhận, nên ông T và bà S phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Do ông T và bà S là người dân tộc, hoàn cảnh khó khăn và có đề nghị được miễn án phí; Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông T và bà S.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Triệu Văn T và bà Nguyễn Thị S; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh TQ.

Về án phí: Ông Triệu Văn T và bà Nguyễn Thị S được miễn án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông T và bà S mỗi người 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004724 và 0004725 cùng ngày 12/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh TQ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh TQ;
- Cục THADS tỉnh TQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA

Nguyễn Tất N

Hồ Sỹ Hưng

Lê Thị Thúy Bình

